

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo: - Giấy rút dự toán số: CK TX 36 ngày 14 tháng 08 năm 2025)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐



1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường THCS Hồng Quang
2. Mã đơn vị: 1065572
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị: 2305201001722. Mở tại ngân hàng: Agribank Thanh Miện.

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Tiền lương, phụ cấp lương tháng 07+08/2025

ĐVT: Đồng

ST T	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
-1	-2	-3		-4	-5	-6	-7	- 8	-9	- 10	-11	-12
	Tổng số			713.886.100	713.886.100	-		-	-	-		
I.	Đối với công chức, viên chức			713.886.100	713.886.100	-		-	-	-		
1	Nguyễn Văn Minh	2305215014292	Agribank Thanh Miện	41.944.360	41.944.360							
2	Vũ Hồng Mạnh	2305215018980	Agribank Thanh Miện	29.316.678	29.316.678							
3	Nguyễn Đức Thiện	2305215021325	Agribank Thanh Miện	34.440.850	34.440.850							
4	Đặng Thị Ngọc Thoán	2305215021331	Agribank Thanh Miện	36.815.814	36.815.814							
5	Vũ Thị Hoa	2305215009530	Agribank Thanh Miện	22.615.155	22.615.155							
6	Vũ Duy Kiên	2305215021440	Agribank Thanh Miện	28.501.048	28.501.048							
7	Phạm Quang Hà	2305215021383	Agribank Thanh Miện	30.681.977	30.681.977							
8	Vũ Thị Đào	2305215021410	Agribank Thanh Miện	30.289.924	30.289.924							
9	Nguyễn Thị Dung	2305215021456	Agribank Thanh Miện	31.058.446	31.058.446							
10	Dương Thị Tho	2305215021462	Agribank Thanh Miện	27.725.804	27.725.804							
11	Nguyễn Văn Dũng	2305215021485	Agribank Thanh Miện	27.725.804	27.725.804							
12	Nguyễn Văn Thịnh	2305215021716	Agribank Thanh Miện	28.012.018	28.012.018							

ST T	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
-1	-2	-3		-4	-5	-6	-7	- 8	-9	- 10	-11	-12
13	Trương Thị Thương	2305215021614	Agribank Thanh Miện	33.541.813	33.541.813							
14	Đỗ Thị Huê	2305215021637	Agribank Thanh Miện	30.289.924	30.289.924							
15	Phạm Văn Điệp	2305215001494	Agribank Thanh Miện	21.730.290	21.730.290							
16	Cao Thị Xoa	2305215021672	Agribank Thanh Miện	27.959.930	27.959.930							
17	Đặng Thị Thu Hà	2305215021695	Agribank Thanh Miện	27.959.930	27.959.930							
18	Nhữ Thị Thắm	2305215021700	Agribank Thanh Miện	30.289.924	30.289.924							
19	Trần Hồng Hà	2305215009359	Agribank Thanh Miện	19.945.004	19.945.004							
20	Nguyễn Thị Hiền	2305215021722	Agribank Thanh Miện	16.635.996	16.635.996							
21	Nguyễn Thị Thúy An	2305205318829	Agribank Thanh Miện	24.380.928	24.380.928							
22	Hoàng Thị Đào	2305215017760	Agribank Thanh Miện	22.768.457	22.768.457							
23	Vũ Thị Dung	2305215017675	Agribank Thanh Miện	16.266.276	16.266.276							
24	Nguyễn Thị Thủy	2305215023179	Agribank Thanh Miện	19.808.941	19.808.941							
25	Nguyễn Thị Huế	2305205017343	Agribank Thanh Miện	20.157.642	20.157.642							
26	Nguyễn Thị Loan	2305215036850	Agribank Thanh Miện	17.531.748	17.531.748							
27	Nguyễn Thị Loan	2305215032837	Agribank Thanh Miện	15.491.420	15.491.420							
II.	Đối với LĐHD thực hiện công việc hỗ trợ phục vụ theo NĐ số 111/2022/NĐ-CP			-		-			-	-		
III.	Đối với HD thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSN công lập theo NĐ số: 111/2022/NĐ-CP			-		-						

Tổng số tiền bằng số: 713.886.100 (Bằng chữ: Bảy trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn một trăm đồng.)

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Hồng Hà

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Hồng Hà

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Hồng Quang, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Minh



Ngày..... tháng..... năm.....
Phòng giao dịch số 10 - KBNN khu vực III